

TRỊNH CÔNG SƠN

PHẢN CHIẾN HAY “VC” NẪM VÙNG TRƯỚC NGÀY 30/4/1975?

Mường Giang

Lời nói đầu: Bọn nằm vùng là kẻ nội thù nguy hiểm hơn kẻ thù trước mặt dễ nhận diện, vì chúng tiếp cận đối tượng nếu không thọc dao vào cạnh sườn thì cũng đâm sau lưng. Trịnh Công Sơn: Phản Chiến Hay Việt Cộng Nằm Vùng Trước Ngày 30/4/1975?

Tháng 5/1970 tại Đại Học Kent State ở tiểu bang Ohio (Hoa Kỳ), đã trở thành trung tâm của một cuộc bạo loạn đẫm máu chưa từng có, giữa đám biểu tình phản chiến chống chiến tranh VN và lực lượng vệ binh quốc gia. Kết quả có nhiều sinh viên trúng đạn chết và bị thương. Thảm kịch trên đã tạo nên một sự chia rẽ trầm trọng trong chính quyền Mỹ và người dân Hoa Kỳ. Hậu quả sau đó khiến Tổng Thống Nixon không còn con đường nào lựa chọn, nên đã ra lệnh triệt thoái quân đội Mỹ ra khỏi VN, bỏ mặc Miền Nam cho Cộng Sản Bắc Việt cưỡng chiếm vào trưa ngày 30/4/1975 bằng súng đạn mua chịu của Nga Tàu. Sau khi chiến tranh chấm dứt, tại Mạc tư Khoa, Nguyễn Hữu Thọ đã bày tỏ lòng tri ân sâu xa tới "các phóng viên và báo chí phương tây", trong số này quan trọng nhất vẫn là Hoa Kỳ, vì đã mang lại chiến thắng "từ trên trời rớt xuống" cho VC một cách bất ngờ, mà ngay các chóp bu của đảng, cũng ngỡ ngỡ ngàng ngàng không biết đâu mà mò. Chính bọn trí thức bất lương này, đã lợi dụng thiên chức "báo chí" để bẻ cong ngòi bút, đổi trắng thay đen, loan tin bừa bãi một chiều, ca ngợi Cộng Sản xâm lăng bắn giết đồng bào vô tội. Tất cả cũng chỉ với mục đích làm mất uy tín của chính phủ Miền Nam trên diễn đàn quốc tế và xuyên tạc cuộc chiến đấu chính nghĩa của QLVNCH. Nhờ vậy, Việt Cộng dù đã bại trận khắp chiến trường Miền Nam, từ Mậu Thân 1968 tới trận chiến long trời lở đất tại Quảng Trị, An Lộc, Kon Tum năm 1972... nhưng cuối cùng lại "đại thắng mùa xuân" ngay trên bàn giấy thủ đô Hoa Thịnh Đốn, làm cho siêu cường số 1 của thế giới phải cúi mặt nhục nhã từ ấy đến nay vẫn chưa hết nhục vì bị chính đồng bào mình đâm lén sau lưng mình một cách tận tụy.

Đó là chuyện của nước Mỹ. Tại VN, hiệp định Genève chia đôi đất nước được cái gọi là Liên Hiệp Quốc, áp đặt vào dân tộc nhược tiểu VN từ tháng 7/1954, trong khi chính người dân cả nước đã hy sinh máu xương suốt chín năm kháng chiến, để giành lại đất nước mình trong tay thực dân Pháp. Giữa lúc chính phủ miền Nam dồn hết nhân vật lực để kiến tạo lại quê hương bị tàn phá sau 100 năm bị giặc Tây đô hộ, hầu mang ấm no hạnh phúc cho muôn dân, thì trên đất Bắc, không khí chiến tranh gần như nguyên vẹn. Bức tranh vân cầu đã được nhà thơ Phùng Quán vào tháng 10/1956 vẽ lên khi ông chứng kiến được những sự thật não lòng.

*"Ta đã đi qua những xóm làng chiến tranh vừa chấm dứt
Tôi đã gặp những bà mẹ già quần giẻ rách*

*Da đen như củ cháy giữa rừng
Kéo giầy thép gai tay máu chảy ròng
Bơi đôn giặc trông ngó tia lửa
Tôi đã gặp những cô gái trồng bông
Hai mươi? Ba mươi? Tôi không nhìn ra nữa
Mồ hôi sôi trên lưng, mặt trời như mỏ hàn xì lửa
Đốt đôi vai cháy hồng...."*

Điều này cũng dễ hiểu, vì Hà Nội lúc nào cũng phải trường kỳ chiến đấu trong thân phận của một mũi xung kích, do cộng đảng quốc tế giao phó. Bao nhiêu khuôn vàng thước ngọc của Mao Trạch Đông ban truyền từ năm 1942 tại Diên An, đều được các đảng viên cao cấp mang về VN xào nấu lại thành cái lý thuyết chỉ đạo văn nghệ tập thể vô sản chuyên chính. Sau cùng để cho hợp với hoàn cảnh từng giai đoạn chiến tranh, những lập thuyết đề cương văn nghệ mới lại tiếp tục ra đời như thi đua ái quốc và chủ nghĩa anh hùng, qua cái bình phong hội văn nghệ giải phóng miền Nam, giải văn nghệ Nguyễn đình Chiểu.... Đọc văn biết người nhưng trong dòng văn học miền Bắc, thì chỉ cần nhìn tựa sách cũng đủ biết hết nội dung. Tất cả các văn thi sĩ đã thành danh thời tiền chiến như Nguyễn Tuân, Tô Hoài, Nguyên Hồng, Nguyễn công Hoan, Thanh Tịnh, Cù Huy Cận, Thế Lữ, Xuân Diệu... cho tới những người mới nổi như Nguyễn Ngọc, Lê Lựu, Nguyễn Sáng... kể luôn nhóm cộng sản đang nằm vùng tại miền Nam như Giang Nam, Đoàn Giỏi, Nguyễn văn Bổng (trong bụng), Thái Ngọc San, Đông Trình, Trần Duy Phiên, Trần Hồng Quang, Trường Sơn, Tần Hoài Dạ Vũ, Huỳnh Ngọc Sơn, Trần Hữu Lục, Tiêu Dao Bảo Cự, Ngụy Ngữ, Võ Quê, Bửu Chỉ, Ngô Kha (trong mặt trận văn hóa dân tộc miền Trung)... đều viết theo đơn đặt hàng, đảng đảng sát khí, cổ võ hờn căm, phân chia bạn thù, chống Mỹ, chống ngụy, để cứu nước.

Vì là nền văn học nghệ thuật chuyên chính, nên mọi người viết hay sáng tạo gần giống nhau, cách mạng đánh đâu thắng đó, còn Mỹ-Ngụy thì thua chạy bò còng, máy bay bị bắn rớt liên tục và người chết như rạ. Đảng ta thì nhân ái vì dân vì nước, trái lại Mỹ Ngụy thì hung ác bạo tàn hiếu sát.... Tóm lại người làm văn nghệ miền Bắc hay bọn "văn nghệ sĩ nằm vùng miền Nam" chỉ như một cái máy hay con vẹt của đảng, không biết đau lòng trước mọi hoàn cảnh, không có cảm xúc nhưng phải biết đề cao để làm sáng chói tính đảng, tính giai cấp, tính siêu việt của xã nghĩa. Không có cái ta hiện hữu ở đây mà chỉ có tập thể, chỉ có niềm vui chung do đảng quyết định, còn mọi thứ khác phải cất giữ trong đáy lòng, hờ hê, kêu than sẽ bị mút mùa cải tạo hay đi mò tôm kể luôn gia đình cũng bị liên lụy. Phải đổ hết mọi tội lỗi "gây chiến tranh" cho Mỹ-Ngụy, để đảng có chính nghĩa dân tộc. Đó mới chính sự thành công của người "Sáng Tạo" dù viết văn, làm thơ hay kịch nhạc....

Bao nhiêu năm trời phải bịa đặt, lừa dối, từ trẻ nít cho tới kẻ bạc đầu để có tem phiếu mà sống. Rồi nhà văn, thi sĩ còn phải biết hèn cúi, nịnh nọt để yên thân, khỏi bị hạ tầng công tác hay tổng vào Nam làm bia đỡ đạn. Một vài con chim lạc đàn, vô tình hay cố ý bay lệch bầu trời, sẽ bị trừng trị không thương tiếc, những Nguyễn Kiên Giang (nằm vùng), Hoàng minh Chính, Nguyễn Duy, Phạm tiến Duật, kể cả Việt Phương, thư ký của Phạm

văn Đồng, làm thơ, viết văn lệch hướng đảng đều bị nghiêm phạt. Dòng thơ phản kháng của Nguyên Chí Thiện hay Bút Tre chẳng qua cũng chỉ là những con đom đóm, cho một chút ánh sáng le lói, rồi lại vụt tắt trong bóng đêm trùng trùng:

*“...anh đi công tác Pơ Lây
Cu dài giăng đặc, biết ngày nào ra...
Anh đi công tác Buôn Me
Thuột xong một cái lại về với Em...
Chị em du kích tài thay
Bắn tàu bay Mỹ rơi ngay cửa mình.”*

(Bút Tre)

Ở miền Bắc, thiên đường xã nghĩa là thế đó, trong khi tại miền Nam, dù bị chiến tranh, mọi người vẫn có hoàn cảnh tự do tối thiểu để sáng tạo theo ý mình, cũng như không hề có dòng văn nghệ một chiều hay chuyên chính. Bởi vậy mới có trăm hoa đua nở, từ văn chương chống cộng lúc đầu, sau đó thành chống chiến tranh dù chiến tranh được cộng sản mang từ miền Bắc vào. Cũng do chiến tranh quá dài và dai dẳng, nên ai cũng buồn phiền và chán ghét chiến tranh. Rốt cục, chính phủ và người lính miền Nam phải gồng mình ôm đồm tất cả, trong lúc hậu phương thả hững hờ. Mọi người gần như bế tắc và chỉ còn biết bơi lội quanh quẩn trong kiếp sống hiện sinh.

Giữa lúc thời cuộc quay cuồng theo tiếng bom đạn, thì một bọn ký sinh đứng ngoài lề cuộc sống khổ đau của miền Nam, lợi dụng tự do, nhân danh tôn giáo, khơi dậy trong lòng phiền muộn của những người trong cuộc bằng trò hề phản chiến, chống chính phủ, chấp tay cầu nguyện cho bồ câu trắng hiện hình trên bầu trời miền Nam, trong lúc xe tăng, đại pháo, và cả triệu bộ đội miền Bắc đang hiện diện. Góp phần hoàn thành "cảnh địa ngục trần gian" của VN ngày nay dưới cùm gông cộng sản, là công đức của những kẻ "tu hành có lộ" và công sức của đám phản tặc học đường, bàn giấy "no cơm ấm cật, no lòng rùng mỡ" trên đường phố, với bom xăng trong chiến dịch "đốt xe Mỹ" và dòng nhạc tuyên truyền một chiều của Trịnh Công Sơn, mới nghe tưởng là "phản chiến". Nhưng thật sự đó là những vết dao trí mạng của kẻ thù, nhắm vào người lính trận Miền Nam, dù họ ngày đêm bán mạng, bán máu, bán cả tương lai đời mình, để tạo sự an toàn cho thiên hạ tại hậu phương nhón như đờn ca nhảy nhót, đổi vợ thay chồng... như thay áo....

Sau ngày 30/4/1975, chân tướng của họ Trịnh được phơi bày qua bia miệng. Từ đó chúng ta mới biết được nhiệm vụ của con tắc kè nửa xanh nửa đỏ, được đảng cho thay da đổi lột tùy theo giai đoạn, từ vai trò "phản chiến công khai giữa đám đông" trước Tết Mậu Thân (1968), tới "nằm vùng trong bóng tối" đến khi tàn cuộc chiến.

1 - CHÂN TƯỚNG CỦA HỌ TRỊNH QUA BIA MIỆNG LƯU TRUYỀN:

Trước năm 1960, trong cảnh thanh bình khắp chốn tại miền Nam, chiến tranh thật sự tạm vắng bóng trên chiến trường, nhưng trong văn chương chữ nghĩa miền Nam, nó vẫn hiện

hữu bên cạnh các tác phẩm khác viết về tình yêu, tuổi trẻ, phong tục, và triết lý. Sau đó nhóm "Sáng Tạo" ra đời, bắt đầu một cuộc phá phách, gây xáo trộn trong thị trường chữ nghĩa một thời, dù thực tế họ chỉ là những kẻ đi tiếp con đường vạch sẵn của phong trào thơ mới, của tiểu thuyết hiện sinh, của nhóm đệ tứ cộng sản quốc tế đã tàn lụn tại VN vì sự thanh trừng nội bộ. Những thơ văn sáng tác của Thanh Tâm Tuyền, Quách Thoại, Tô Thùy Yên, Duy Thanh, ... mang cái ám ảnh của chiến tranh, dù trong tưởng tượng lúc đó, để có cái cơ sống hiện sinh, cá nhân, triết lý siêu hình... như kiểu cách của các triết gia tây phương Albert Camus, Alain Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute... nghĩa là phải sống cho cái bản ngã riêng mình vì hoài nghi hết mọi người chung quanh.

Nhưng trong cái không khí sống chết mặc bay, may thay đã thấy xuất hiện Nhã Ca (đem nghe tiếng đại bác, người tình ngoài mặt trận, giải khăn xô cho Huế), Ý Uyên (bão khô, tượng đá sườn non, ngựa tía), Dương Nghiễm Mậu (địa ngục có thật, khi người chết có mặt....) Trang Châu (y sĩ tiền tuyến), Văn Quang, Đỗ Tấn, Võ Hữu Hanh, Phan Nhật Nam, Vũ Ngự Chiêu... viết về tình yêu, tình đồng đội, và thảm trạng chiến tranh, bằng lương tâm của người cầm bút trong cuộc, những người lính sống thật với lửa đạn chiến trường.

Cuộc binh biến 1/11/1963, tiếp tới ba năm xáo trộn (1964-1967) khiến xã hội miền Nam bắt đầu quay cuồng trong cơn lốc chính trị, do lòng tham lãnh tụ của bọn "loạn tướng kiêu tăng" tạo cơ hội cho cộng sản miền Bắc trỗi dậy và hiện diện trùng trùng khắp ngõ ngách VNCH. Những trận đánh đẫm máu, những cái chết của đồng đội, sự thương vong đổ vỡ của đồng bào trong vùng chiến nạn, cộng với cảnh lố lăng, tham nhũng, trò lộng hành của đám lãnh tụ sa lông cuồng ngông ở đô thành... và cuộc sống sa đọa theo dòng đô la xanh đỏ của gái điếm, me Mèo, Ba Tàu, bọn quan tướng có thể lực... làm cho tuổi trẻ và giới trí thức trở thành mất lòng tin, hoài nghi tất cả, nên lao đầu vào cuộc sống hiện sinh không bến bờ.

Tường đồ thì bìm leo, một số cộng sản nằm vùng như Sơn Nam, Vũ Hạnh, Lữ Phương, Lưu Nghi, Vân Trang, Minh Quân, Nguyễn Ngọc Lan, Nhất Hạnh, Thế Nguyên... trên các tờ Hành Trình, Đối Diện, Tin Văn, Đất Nước... liên tục tố cáo chính quyền tham nhũng, bất công, đòi liên hiệp với cộng sản. Trong khi đó, Văn và Bách Khoa cũng đăng những bài thơ phản chiến của lớp người mới nổi sau năm 1970 như Nguyễn Ngự, Thái Ngọc San, Tàn Hoài Dạ Vũ, Ngô Kha... bôi bẩn danh dự của QLVNCH một cách không nhân nhượng.

Còn gì bi thảm hơn cho những người lính đang cầm súng chiến đấu, để bảo vệ quê hương, lại bị những tên phản chiến như Nguyễn Ngự mạt sát "chúng tôi là một thứ quân đội viễn chinh... và quê hương bát ngát này không cần đến bọn viễn chinh." Văn chương sát máu, phản bội kiểu này, nếu sống dưới chế độ cộng sản, liệu y có còn mạng để sống, chứ đừng mơ tưởng để viết. Đó là mặt thật của hai cảnh đời trái ngược. Người miền Nam như vậy, tại sao chúng ta không mất nước và thua trận?

Trong cảnh tranh tối tranh sáng của ba năm xáo trộn (1964-1966), miền Nam gần như vô chính phủ vì thay đổi liên tục, bỏ ngõ phường phố cho sinh viên học sinh Sài Gòn, Huế... tha hồ xuống đường biểu tình hoan hô đá đảo. Trong một cuộc biểu tình quanh khu vực Chợ Bến Thành (Sài Gòn) để đá đảo Nguyễn Khánh và đòi xé bỏ cái gọi là "Hiến Chương Vũng Tàu", có một nữ sinh trường Bồ Đề tên Quách Thị Trang, đã bị lạc đạn chết giữa đêm tối. Cũng từ phong trào xuống đường đó, đã bắt nguồn cho phong trào "Du Ca" do một sinh viên tên Hoàng Ngọc Tuệ tổ chức, với sự tham dự của Nguyễn Đức Quang, Ngô Mạnh Thu....

Một Quán Cà Phê "Sinh Viên" mang tên Văn cũng được ra đời trên khu đất trống mà Pháp dự định xây Bót Catina, giữa các đường Lê Thánh Tôn, Công Lý, Nguyễn Trung Trực... do Nguyễn Khánh tặng, để ve vuốt bớt sự căm phẫn của giới SVHS lúc đó, sau cái chết của Quách Thị Trang. Nơi này cũng là trụ sở của tổng hội Sinh Viên Sài Gòn, lúc đó do Lê Hữu Bôi và Nguyễn Trọng Nho lãnh đạo. Quán Văn do sinh viên của trường Đại Học Văn Khoa tạo dựng, nên hằng đêm được sự ủng hộ đông đảo của các sinh viên trên, tụ tập cả ngàn người. Trong phong trào hát du ca lúc đó, có cặp "Trịnh Công Sơn-Khánh Ly" tới hát, với những "Ca Khúc Da Vàng".

Căn cứ vào tài liệu của ký giả sân khấu kịch nghệ Nguyễn Việt, viết cho tờ Tinh Hoa của Nguyễn Thạch Kiên tại Sài Gòn trước tháng 5/1975, thì cặp Sơn-Ly mới từ Đà Lạt xuống. Lúc đó Khánh Ly rất bụi đời, đi chân đất, tay luôn kẹp điệu Salem, hát những bản nhạc của họ Trịnh, cũng là người đệm đàn cho Khánh Ly hát.

Thời gian này Trịnh Công Sơn đã sáng tác nhiều bản nhạc như Ướt Mi, Lời Buồn Thán... nhưng không được các ca sĩ thời đó để ý vì họ chỉ hát các tác phẩm của những nhạc sĩ nổi tiếng đương thời như Lam Phương, Mạnh Phát, Châu Kỳ, Lê Dinh, Anh Bằng, Trần Thiện Thanh, Y Vân, Lan Đài, Phạm Mạnh Cương, Duy Khánh, Trúc Phương... mang tính cách đại chúng. Trong khi đó nhạc của Vũ Thành An, Từ Công Phụng, Ngô Thụy Miên, Trịnh Công Sơn... vừa mới nổi lên, lại chỉ hạn chế trong giới tuổi trẻ nên không được đón nhận nhiều.

Ngay tại Quán Cà Phê Văn, cặp Ly-Sơn cũng bị đội ngược bởi cặp Thanh Lan-Vũ Thành An với "những bài không tên", rồi Thanh Lan-Từ Công Phụng, Thanh Lan-Ngô Thụy Miên... được giới sinh viên ủng hộ đông đảo. Đây cũng là điều dễ hiểu, vì trong lúc cặp "Ly-Sơn" hát toàn những bài phản chiến giữa lòng đất nước đang bị Cộng Sản Bắc Việt xâm lăng, đầy xéo. Còn nhạc của Sơn toàn nói chuyện trên trời dưới biển, chỉ có những kẻ ăn không ngồi rồi mới có thời giờ thâu triệt. Trong lúc đó Thanh Lan là sinh viên của Văn Khoa, lại hát nhạc của Vũ Thành An, Từ Công Phụng, Ngô Thụy Miên... rất ủy mị trữ tình, chỉ ca ngợi tình yêu tuổi trẻ... được coi như là những người đã khai phóng nét mới lạ cho Văn suốt thời gian tồn tại. Vì vậy những đêm có mặt họ, được mọi người đông đảo ủng hộ hơn là thời gian có sự hiện diện của Khánh Ly và Trịnh Công Sơn.

Một biến cố lớn đã xảy ra trong đêm Giáng Sinh 1968 tại Quán Văn, khi một thanh niên lên máy vi âm tuyên bố "hôm nay văn nghệ ăn mừng ngày thành lập Mặt Trận Giải Phóng MN (MTGPMN)". Nhưng Ngô Vương Toại lên giật máy nên đã bị tên này bắn trọng thương. Từ đó, họ Trịnh cũng bỏ trốn luôn và sống trong bóng tối mà sau này trên tờ Đất Việt do hội kiều bào VC xuất bản, Sơn cho biết "mình đã trở về với nhân dân từ năm 1968".

Chiều ngày 30/4/1975, tại Đài Phát Thanh Sài Gòn trên đường Nguyễn Bình Khiêm, Trịnh Công Sơn xuất hiện, kêu gọi giới văn nghệ sĩ Sài Gòn theo VC sau đó hát bài "nội vòng tay lớn" coi như một cột mốc kết thúc cuộc đời của một tên đặc công văn nghệ, nằm vùng tại miền Nam VN, đang sống trên đời nhưng đã bị xã hội khai trừ nguyên rủa.

Trong tác phẩm "Theo chân những tiếng hát" nhà văn Hồ Trường An có viết về Khánh Ly và Trịnh Công Sơn: "sự xuất hiện của Trịnh Công Sơn cùng với Khánh Ly mới từ Đà Lạt xuống rất mờ nhạt. Trong lúc đó Thanh Thúy hát "Ướt Mi", Thái Thanh thu đĩa "Diễm Xưa", Hà Thanh trình bày "Hạ Trắng". Tất cả do Trịnh Công Sơn sáng tác nhưng đã không được giới hâm mộ đón chào, dù những ca sĩ trình bày các bản nhạc trên đều là những người đang nổi tiếng và rất được ái mộ. Phải đợi đến Bạch Yến hát "Lời Buồn Thánh" và Lệ Thu qua bài "Xin Mặt Trời Ngủ Yên"... thì thiên hạ mới bắt đầu dòm ngó tới họ Trịnh". Nhưng đây cũng không phải là lý do chính đưa Trịnh góp mặt với đám đông. Phải đợi tới năm 1967, khi Trịnh đưa hai tập nhạc của mình "Ca Khúc Da Vàng và Ca Khúc Trịnh Công Sơn" cho Tô Thùy Yên nhờ viết tựa và giới thiệu. Cũng theo Hồ Trường An, thì chính Tô Thùy Yên mới là động lực bắc thang đưa Sơn lên mây khi phóng bút ca Sơn hết cỡ, lại còn đem họ Trịnh so sánh với vua David qua những bài "Thánh Vịnh", "Diễm Tình Ca" của vua Salomon hay những chàng du ca (troubadouro thời Trung cổ.... Nhờ những lời bốc này mà Trịnh đã bay thật xa và dính vào mắt của giới trẻ thời đó, phần đông chuộng thời thượng và ưa làm dáng trí thức dỏm. Nên không lạ gì có nhiều kẻ biết mình sẽ bị thiên hạ chửi rủa, khinh miệt khi mở miệng hát những bài do Trịnh sáng tác, trù ẻo cuộc đời, đất nước, dân tộc, theo kiểu triết lý hiện sinh nôn mửa của đám Tứ Quái nghiệm ngạp "The Beatles" bên Mỹ, qua các bài "Xin Mặt Trời Ngủ Yên", "Vết Lăn Trầm". Đây là chuyện quái gở... nhưng vẫn cứ đeo mặt nạ để hát, vì kẻ đó sẽ được coi như là vĩ nhân thời thượng. Dịp này, Sơn còn ngông nghê muốn mời nhà văn Nguyễn Thị Hoàng theo mình đi du ca tứ xứ sau khi đã bị cả Thanh Thúy lẫn Lệ Thu từ chối hợp tác văn nghệ kiểu Khánh Ly".

Mới đây trên tờ Kiến Thức Ngày Nay số đặc biệt Xuân Đinh Hợi 2007, Nguyễn Đắc Xuân có nhắc tới "một người yêu của Trịnh Công Sơn" tên Nga My đang ở Orange County CA. Bà này quen biết với Họ Trịnh từ giữa thập niên 60 khi còn ở Huế, nên viết hồi ký kể lại chuyện của hai người. Tình nhất là việc chàng rất ngông với tật bắn tàn thuốc lá lên nóc mùng và bất chấp có người khác nằm bên cạnh, vẫn cứ đòi nàng cho mình "một đứa con". (KTNN số 593, trang 58-61). Kỳ hơn là việc Trịnh đã yêu bà đi là Nga My, còn đèo thêm cô cháu là ca sĩ Hồng Nhung (đang ở Mỹ) nên đã sáng tác "mùa thu Hà Nội" để dụ khị nàng.

Chân tướng của Trịnh Công Sơn là vậy đó, thế mà cũng có người đòi tôn vinh gã, coi như là một di sản văn hóa của dân tộc Việt Cộng.

2-TRỊNH CÔNG SƠN PHẢN CHIẾN HAY NẢM VÙNG?

Họ Trịnh đã chết từ tháng 4/2001 nhưng tới nay vẫn không yên mồ vì cái đám bọ đít cứ dựng dậy sơn phết một thầy ma đã rã mục, chọc tức thiên hạ để mọi người có dịp "đào mồ cuốc mả" một tên điếm văn nghệ, đã góp phần đem thê lương đói rách tới Dân Tộc Việt. Vì chính nó đã "ăn cơm quốc gia, thờ ma Hồ tặc" như lời gã thú nhận lúc trưa 30/4/1975, trên đài phát thanh Sài Gòn "rừng núi dang tay nổi lại biển xa, ta đi vòng tay lớn mãi để nổi sơn hà. Từ Bắc vô Nam nổi liền nắm tay..." trong lúc cả miền Nam đang chìm trong biển khổ... thật đúng với cái cảnh "một ngàn năm đô hộ giặc Tàu, một trăm năm đô hộ giặc Tây, ba mươi năm nội chiến từng ngày..." và cái thảm kịch đó do ai gây ra? chắc chắc Trịnh Công Sơn phải biết vì y dù gì chẳng nữa cũng là một giáo chức, đã có thời gian từng đứng trên bục gỗ dạy dỗ học trò mình.

Rồi thì "gia tài của mẹ" quần quai trong cảnh đau thương, tương tàn đã được nối tiếp, làm cho người miền Nam thêm nức nở đau lòng trước thảm kịch chiến tranh. Điều này đã nói lên được tài hoa của nhạc sĩ họ Trịnh nhưng có điều gã lại quên không giải thích cho đồng bào mình biết: chính Việt Cộng là kẻ đã mang chiến tranh và thù hận tới cho đất nước này. Nên muốn sớm có hòa bình vĩnh cửu, có tự do no ấm thật sự cho dân tộc và đất nước, mọi người phải đoàn kết một lòng "chống cộng" để tiêu diệt chúng, chấm dứt cái cảnh "ba mươi năm nội chiến từng ngày".

Hai mươi năm tồn tại của VNCH (1955-1975) cho dù không phải là cảnh thiên đàng hạ giới như tại các quốc gia tiên tiến Âu Mỹ nhưng ít nhất cũng tạo cho người miền Nam một cuộc sống bình thường, có cơm ăn áo mặc nếu không bị CS từ miền Bắc xua quân xâm lăng. Riêng đối với cái đám lục bình ăn trên ngòi trước tại Huế, Sài Gòn như Lê Văn Hảo, Hoàng Phủ Ngọc Tường, Ngọc Phan, Nguyễn Đắc Xuân, Ngô Kha... kể cả Trịnh Công Sơn, xét cho cùng đâu có thiếu thốn gì nếu so với dân nghèo lao động và người lính trận đói rách áo cơm. Như vậy thì tại sao lại phải "hạt bụi nào hóa kiếp thân tôi?" trong lúc chỉ biết chui rúc trong thành phố, để nghe "đại bác đêm đêm dội vào thành phố, người phu quét đường dừng chân đứng nghe". Thế nhưng ai bắn đại bác và hỏa tiễn vào nơi thị tứ đông người, có sao họ Trịnh không bao giờ nhắc tới?

Trong lúc cả triệu nam nữ thanh niên miền Nam, hàng hàng lớp lớp tiến ra sa trường để ngăn chặn giặc thù CS xâm lăng cướp nước, thì Trịnh Công Sơn làm kẻ hèn nhát, chui rúc sống ký sinh trong các phòng trà hộp đêm tại Sài Gòn, để tiếp tục thả nọc độc vào đám đông với những giọt nước mắt cá sấu. Trong khi đó cả trăm ngàn cảnh tượng đau thương chết chóc của đồng bào vô tội bị VC tàn sát đã man trong Tết Mậu Thân tại Huế, trên đại lộ kinh hoàng Quảng Trị, Kon Tum, An Lộc năm 1972, trên đường di tản liên tỉnh lộ 7 từ Phú Bổn về Tuy Hoà, và nhiều cảnh chết chóc thương tâm khác tại các bến

tàu khắp miền Nam vào những ngày cuối tháng 4/1975... đâu có bao giờ nghe thấy Trịnh Công Sơn nhắc tới một lời?

Ngược lại lúc nào cũng ra rã gào thét kết tội chiến tranh "một chiều" để đổ tội cho VNCH gây ra chiến tranh với mục đích "chạy tội hèn trốn lính". Ngày nay có dịp đọc lại những lời nhạc của gã họ Trịnh như "từng chuyến bay đêm con thơ giạt mình, hăm trú tan hoang, ôi da thịt vàng từng đêm soi sáng lạ mắt quê hương... hay từng vùng thịt xương có mẹ có em, người già co ro buồn nghe tiếng nổ, em bé lỏa lồ khóc tuổi thơ đi." Lại càng thêm thương những đồng đội đã chết oan khiên trong cuộc chiến, vì sự bất lực của chính quyền, đã đồng lõa dung túng một tên đặc công văn nghệ, đâm sau lưng QLVNCH.

Tóm lại từ sau Tết Mậu Thân 1968, lập trường chính trị của Trịnh Công Sơn đã lộ xác, không còn giữ thái độ phản chiến chung chung như trước, mà là ra mặt chống đối Miền Nam thật sự như một tên CS Bắc Việt chính hiệu, qua những ca khúc trong "kinh VN, ta phải thấy mặt trời...". Từ đây Trịnh đã là một tên đặc công đỏ, đứng hẳn về phía giặc Hồ. Trong phụ khúc "tình ca của người mất trí" họ Trịnh đã lên án Mỹ qua các cuộc dội bom miền Bắc "tôi mất trong chiến tranh này, bao nhiêu bao nhiêu người tình, người tình của tôi lớn lên, từ ngày miền Bắc dội bom". Và phản bội trắng trợn nhất là bài "Ta phải thấy mặt trời":

*"còn sống xin các anh quyết còn cách mạng
đời ta ta lo xin xếp vũ khí
bàn tay không tiến lên
đã qua bao năm hy sinh thịt xương
nay ta quyết phải sống
toàn nước chiến đấu
ta bền vững một lòng với nhau...."*

Bởi vậy không thể nói là ngẫu hứng khi Dương Văn Minh vừa ra lệnh cho toàn thể QLVNCH buông súng đầu hàng CS Bắc Việt, thì họ Trịnh đã có mặt ngay tại Đài phát thanh Sài Gòn để hát bài "nôi vòng tay lớn Huế, Sài Gòn, Hà Nội"... mà y nói là đã soạn sẵn từ năm năm trước. Chỉ cần một bài hát này, cũng đủ để cho mọi người vạch trần bộ mặt phản bội đồng bào miền Nam là nơi mà Trịnh đã được sinh ra và lớn lên với một cuộc sống ấm no đủ đầy.

Từ tháng 5/1975 về sau, để minh định chỗ đứng của mình trong thiên đàng xã nghĩa, họ Trịnh đã viết hơn 150 ca khúc để bợ đít chế độ như "Huyền thoại Mẹ, Em nông trường em ra biên giới, Ra chợ ngày thống nhất, Ánh sáng Mạc tư Khoa..." như là những bằng chứng xác nhận vai trò của một tên VC nằm vùng tại Miền Nam VN.

Để thêm sáng tỏ vai trò của Trịnh Công Sơn tại miền Nam, trong suốt cuộc chiến từ 1965-1975, hãy nghe Y trả lời cuộc phỏng vấn trên báo Đảng "Năm 1963 tôi lên Lâm Đồng trốn lính nên tình cờ gặp được Khánh Ly và chúng tôi đã rủ nhau về Sài Gòn hát trong phong trào Du Ca của sinh viên Văn Khoa. Đến khi xảy ra vụ nổ súng tại Quán Văn trong đêm Giáng Sinh 1968, thì tôi không hát trước đám đông nữa".

Sau khi Miền Nam bị cưỡng chiếm hoàn toàn, họ Trịnh được đảng thưởng công, cho đi tham quan miền Bắc "thiên đường" mà Trịnh hoài mơ ước một đời. Về Nam, Trịnh được phong chức Ủy viên Biên chế, nắm quyền sinh sát giới văn nghệ sĩ Miền Nam lên hương từ đó.

Đã có một ít người tới nay vẫn còn xưng tụng Trịnh Công Sơn, nào là thiên tài âm nhạc, kẻ yêu nước thương nòi. Họ còn cao hứng mở đại nhạc hội vinh danh, làm đám giỗ và đòi phải lưu giữ sự nghiệp của Trịnh như là một "di sản văn hóa"... Đây là cái quyền của mọi người nhất là ở một nước tự do như Hoa Kỳ. Tuy nhiên muốn là một chuyện, còn thực hiện được hay không lại là một chuyện khác. Phương chi Trịnh Công Sơn ngay từ thời gian trước năm 1975, đã bị đám đông khinh miệt và phi nhử như một tên hèn nhất trốn quân dịch, sống chui rúc trong bóng tối để mưu sinh cầu sống. Đó là lúc mà mặt thật của tên bán nước, ăn chén đá bát, chưa bị phanh phui. Còn ngày nay, qua một cuộc đổi đời, hình tượng của Trịnh đã được phơi bày từ trong hang cùng ngõ hẻm cho tới trang sách, bia miệng và chốn thị phi. Hầu hết ai cũng khinh nhờn căm giận và muốn ăn tươi nuốt sống gã, thì thử hỏi, sao không giúp cho một thầy ma được nằm yên vĩnh viễn trong lòng đất, để xoa dịu lòng người, nhất là lúc này ai cũng căm thù VC bán nước hại dân làm tay sai cho Trung Cộng.

*Viết từ Xóm Cồn, Hạ Uy Di
Tháng 5/2011
Mường Giang*

Nguồn: Internet E-mail by MiMi

*Đăng ngày Thứ Năm, JUNE 16th, 2011
Ban Kỹ Thuật K10A-72/SQTB/DD, ĐĐ11/TĐ1ND, QL-VNCH*